

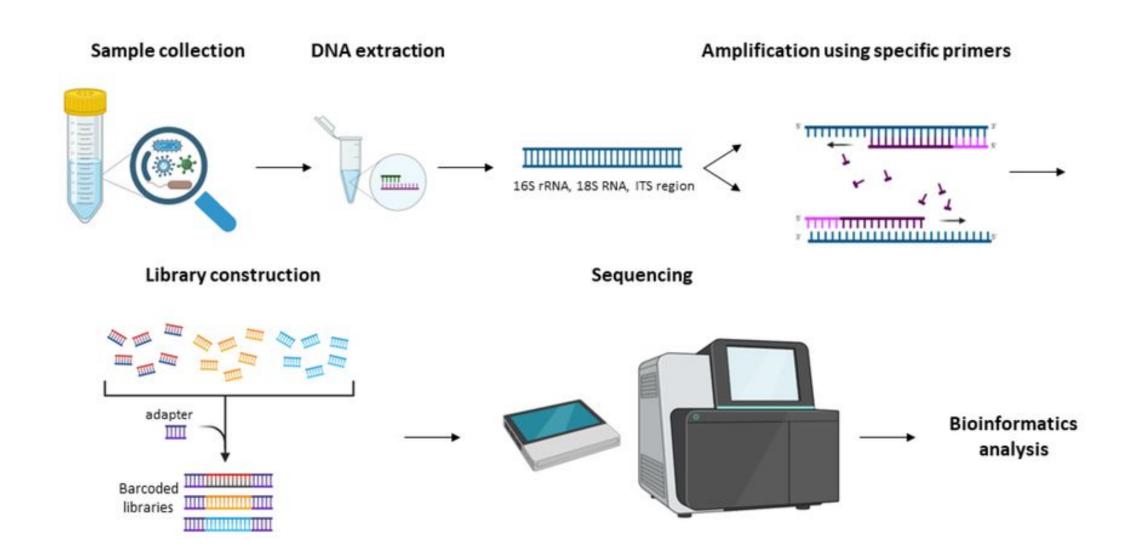


Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh Trung tâm Khoa học và Công nghệ Sinh học

Anh hưởng của việc bổ sung lysophospholipid vào khẩu phần ăn lipid thấp lên hệ vi sinh vật đường ruột của tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*)

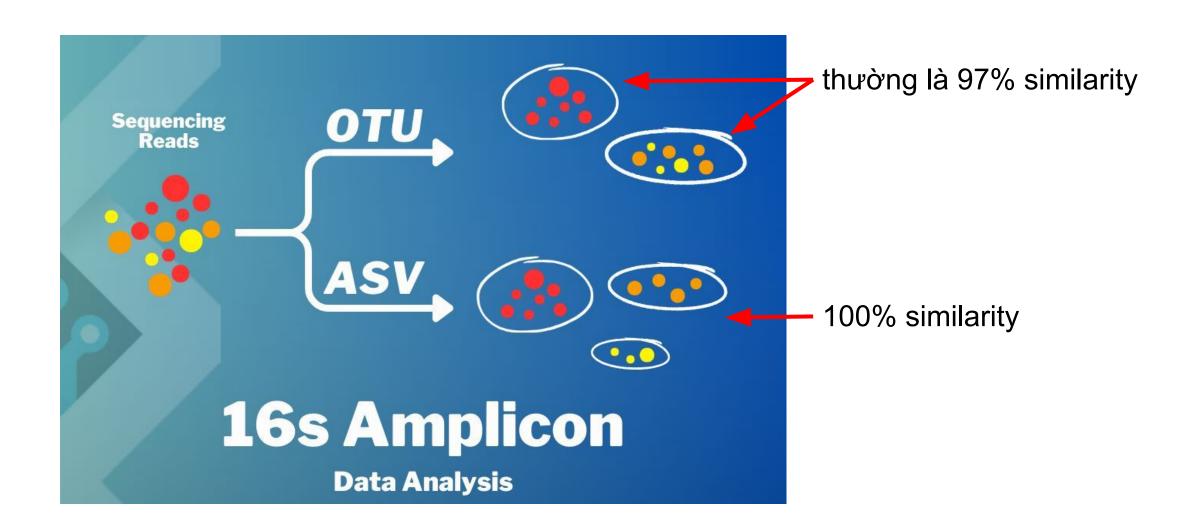
Nguyễn Quang Khải ngqkhai02@gmail.com 27/06/2025

Ứng dụng giải trình tự thế hệ mới: amplicon sequencing

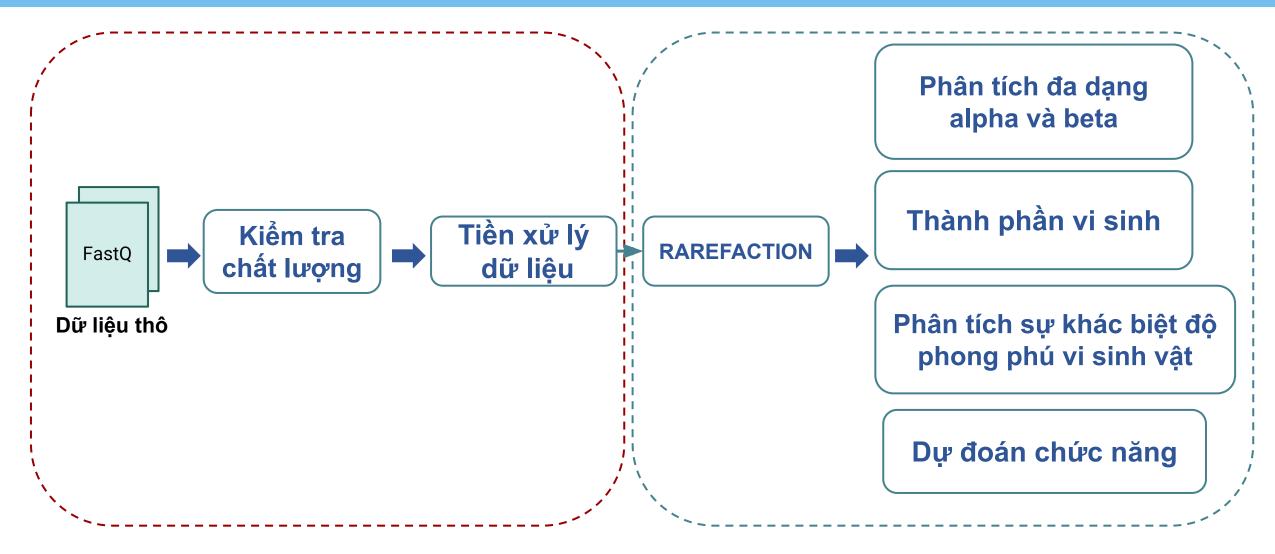


DOI:10.3390/biomedicines11030827

OTU (Operational Taxonomic Unit) and ASV (Amplicon Sequence Variant)



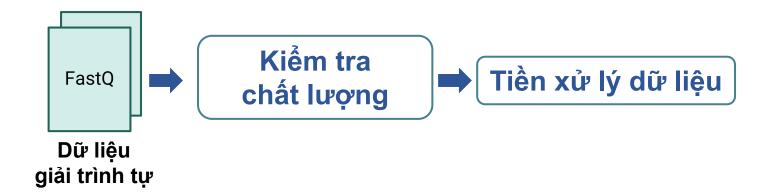
QUY TRÌNH PHÂN TÍCH TIN SINH HỌC



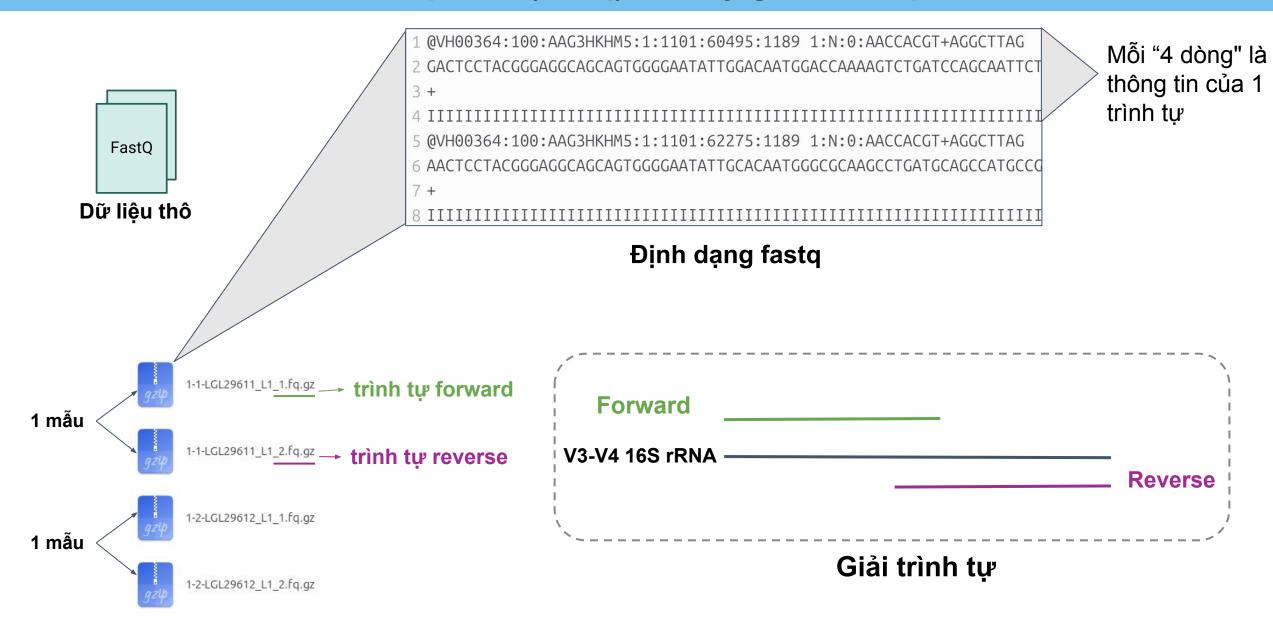
Upstream analysis

Downstream analysis

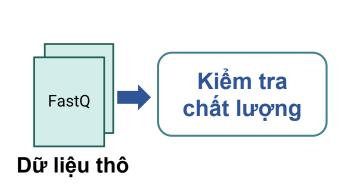
UPSTREAM ANALYSIS

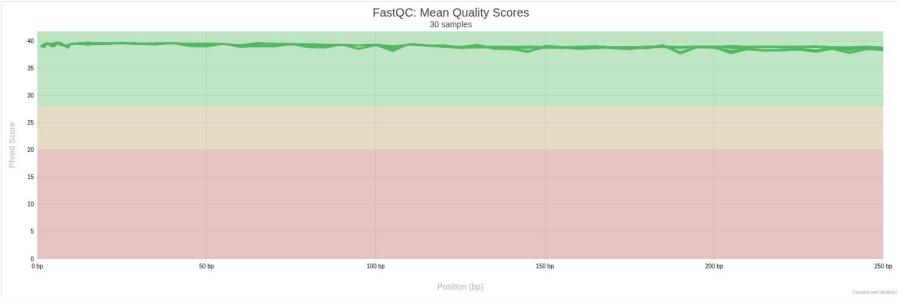


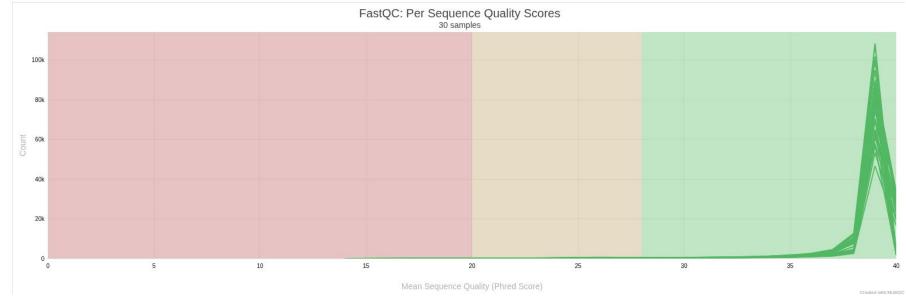
Dữ liệu thô (fastq) từ máy giải trình tự



Kiểm tra chất lượng trình tự với FastQC







Tiền xử lý dữ liệu với công cụ dada2

ASV_ID	1-1-LGL29611	1-2-LGL29612
ff916fa79bd36e6688c4dd6ff7928b5a	0	0
ff6daea53e24a3b1ea1975d76953d8ef	24	17
ff5b3aec260c9a4e28e1a4b904c0585d	0	0
ff31dc031f1496ebccccabd23db9aae4	12	0
fe9460f8041f6ee340b730456928c245	6	5
fe7917001c4966a6fcb12095f7012d64	5	0
fe78076c966f3c21f17dd1f90ae667cd	17	6
fe63a602e5400850f6bcec3c03b8e560	758	339

Bảng đếm ASV

- 1 >5a18f130d8adfa6b68bba5f925cdc364
- 2 TGAGGAATATTGGTCAATGGGCGGAAGCCTGAACCAGCCATCCCGCGTG
- 3 > 22d15028be03e03c286d22473ed09620
- 4 TGGGGAATATTGGACAATGGGGGCAACCCTGATCCAGCAATGCCGCGTG
- 5 > 5d2992cce8bd34234b800c3273940d54
- 6 TGGGGAATATTGCACAATGGGGGGAACCCTGATGCAGCAATGCCGCGTG

Trình tự của ASV (fasta)

dada2

DOWNSTREAM ANALYSIS VÀ KẾT QUẢ

Phân tích đa dạng alpha và beta

RAREFACTION

Thành phần vi sinh

Phân tích sự khác biệt độ phong phú vi sinh vật

Dự đoán chức năng

PHÂN TÍCH ĐA DẠNG ALPHA VÀ BETA

Chuẩn bị file

ASV_ID	1-1-LGL29611	1-2-LGL29612
ff916fa79bd36e6688c4dd6ff7928b5a	0	0
ff6daea53e24a3b1ea1975d76953d8ef	24	17
ff5b3aec260c9a4e28e1a4b904c0585d	0	0
ff31dc031f1496ebccccabd23db9aae4	12	0
fe9460f8041f6ee340b730456928c245	6	5
fe7917001c4966a6fcb12095f7012d64	5	0
fe78076c966f3c21f17dd1f90ae667cd	17	6
fe63a602e5400850f6bcec3c03b8e560	758	339

Bảng đếm ASV

qiime diversity

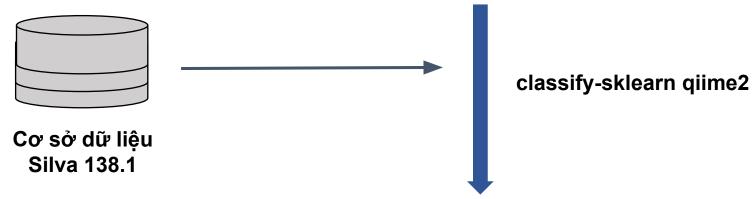
1 SampleID	replicate	diet
2 1-1-LGL2961	1 PC_1	PC
3 1-2-LGL2961	2 PC_2	PC
4 1-3-LGL2961	.3 PC_3	PC
5 2-1-LGL2961	4 NC_1	NC
6 2-2-LGL2961	.5 NC_2	NC
7 2-3-LGL2961	6 NC_3	NC
8 3-1-LGL2961	7 LPL1_1	LPL1
9 3-2-LGL2961	8 LPL1_2	LPL1
10 3-3-LGL2961	9 LPL1_3	LPL1
11 4-1-LGL2962	0 LPL2_1	LPL2
12 4-2-LGL2962	1 LPL2_2	LPL2
13 4-3-LGL2962	2 LPL2_3	LPL2
14 5-1-LGL2962	3 LPL3_1	LPL3
15 5-2-LGL2962	4 LPL3_2	LPL3
16 5-3-LGL2962	5 LPL3_3	LPL3

metadata.tsv

THÀNH PHẦN VI SINH

Gán taxon cho trình tự ASV

TAXONOMIC CLASSIFICATION 1 >5a18f130d8adfa6b68bba5f925cdc364 2 TGAGGAATATTGGTCAATGGGCGGAAGCCTGAACCAGCCATCC 3 >22d15028be03e03c286d22473ed09620 4 TGGGGAATATTGGACAATGGGGGGCAACCCTGATCCAGCAATGC 5 >5d2992cce8bd34234b800c3273940d54 6 TGGGGAATATTGCACAATGGGGGGAACCCTGATGCAGCAATGC Trình tự của ASV



```
Feature ID Taxon

6f69929421978td_Bacteria;p_Acidobacteriota;c_Blastocatellia;o_Blastocatellales;f_Blastocatellaceae

202e4c45b9b10;d_Bacteria;p_Acidobacteriota;c_Blastocatellia;o_Blastocatellales;f_Blastocatellaceae;g_Blastocatella

e713822e49168d_Bacteria;p_Acidobacteriota;c_Blastocatellia;o_Blastocatellales;f_Blastocatellaceae;g_Blastocatella

0f87b470b25cf3d_Bacteria;p_Acidobacteriota;c_Holophagae;o_Acanthopleuribacterales;f_Acanthopleuribacteraceae;g_Ac

b286250919dc6fd_Bacteria;p_Actinobacteriota;c_Acidimicrobiia;o_Microtrichales;f_Iamiaceae;g_Iamia

d7d8164b25b13ld_Bacteria;p_Actinobacteriota;c_Acidimicrobiia;o_Microtrichales;f_Ilamiaceae;g_Iamia

3d30135c637f79d_Bacteria;p_Actinobacteriota;c_Acidimicrobiia;o_Microtrichales;f_Ilumatobacteraceae;g_Ilumatobacter

d57ce1a339beb4d_Bacteria;p_Actinobacteriota;c_Acidimicrobiia;o_Microtrichales;f_Ilumatobacteraceae;g_Ilumatobacter
```

Kết quả gán taxon cho các ASV

silva: https://www.arb-silva.de/

Gán taxon cho bảng ASV

Feature ID	Taxon
6f69929421978b	dBacteria;pAcidobacteriota;cBlastocatellia;oBlastocatellales;fBlastocatellaceae
202e4c45b9b103	dBacteria;pAcidobacteriota;cBlastocatellia;oBlastocatellales;fBlastocatellaceae;gBlastocatella
e713822e491684	dBacteria;pAcidobacteriota;cBlastocatellia;oBlastocatellales;fBlastocatellaceae;gBlastocatella
0f87b470b25cf39	${\tt d_Bacteria;p_Acidobacteriota;c_Holophagae;o_Acanthopleuribacterales;f_Acanthopleuribacteraceae;g_$
b286250919dc6f	dBacteria;pActinobacteriota;cAcidimicrobiia;oMicrotrichales;flamiaceae;glamia
d7d8164b25b13	dBacteria;pActinobacteriota;cAcidimicrobiia;oMicrotrichales;flamiaceae;glamia
3d30135c637f79	$\label{lem:d_Bacteria} $$ d_Bacteria; p_Actinobacteriota; c_Acidimicrobiia; o_Microtrichales; f_Ilumatobacteraceae; g_Ilumatobacteraceae; g_Ilumatobacte$
d57ce1a339beb4	d_Bacteria;p_Actinobacteriota;c_Acidimicrobiia;o_Microtrichales;f_Ilumatobacteraceae;g_Ilumatobacter

ASV_ID	1-1-LGL29611	1-2-LGL29612
ff916fa79bd36e6688c4dd6ff7928b5a	0	0
ff6daea53e24a3b1ea1975d76953d8ef	24	17
ff5b3aec260c9a4e28e1a4b904c0585d	0	0
ff31dc031f1496ebccccabd23db9aae4	12	0
fe9460f8041f6ee340b730456928c245	6	5
fe7917001c4966a6fcb12095f7012d64	5	0
fe78076c966f3c21f17dd1f90ae667cd	17	6
fe63a602e5400850f6bcec3c03b8e560	758	339

Bảng đếm ASV

Kết quả gán taxon cho các ASV

Gán taxon cho bảng ASV

Genus	1-1-LGL29611	1-2-LGL29612
g0319-6G20	0	O
gA2	16	18
gAB1	0	O
gASF356	7	12
gAbsconditabacteriales_(SR1)	0	0

Bảng đếm Chi (genus: g___)

Tính Relative abundance

Genus	1-1-LGL29611	1-2-LGL29612
g0319-6G20	0	0
gA2	16	18
gAB1	0	0
gASF356	7	12
gAbsconditabacteriales_(SR1)	0	0

Bảng đếm Chi (genus: g___)

Chuyển đổi số đếm sang tỉ lệ

Số đếm 1 Chi mẫu X

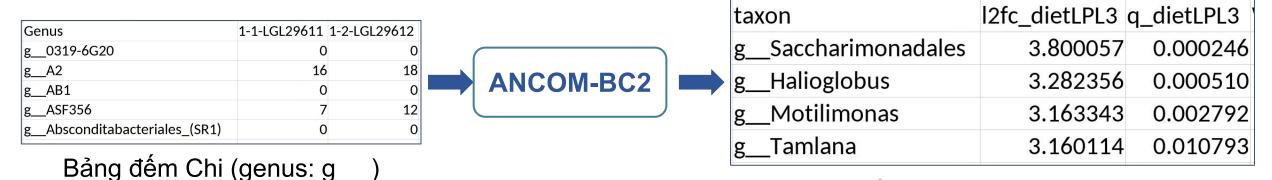
Tổng đếm của mẫu X

Genus	1-1-LGL29611	1-2-LGL29612
Hanstruepera	0.0603440000000000	0.0290370000000000
Hypnocyclicus	2.3480149490285E-04	0.00825700000000000
Motilimonas	0.0127970000000000	0.00614400000000000
Photobacterium	0.170075000000000	0.0833150000000000

Bảng đếm Chi (Relative abundance)

PHÂN TÍCH SỰ KHÁC BIỆT ĐỘ PHONG PHÚ VI SINH VẬT

PHÂN TÍCH SỰ KHÁC BIỆT ĐỘ PHONG PHÚ BẰNG ANCOMBC-2



kết quả ancom-bc2 (đã lọc)

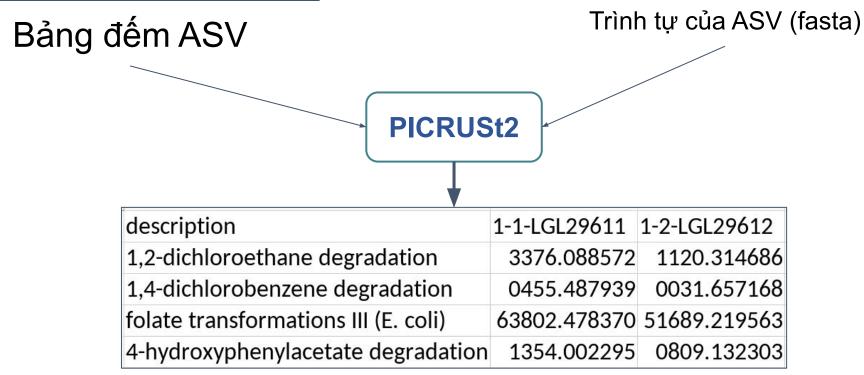
DỰ ĐOÁN CHỨC NĂNG

Dự đoán chức năng bằng công cụ PICRUSt2

ASV_ID	1-1-LGL29611	1-2-LGL29612
ff916fa79bd36e6688c4dd6ff7928b5a	0	0
ff6daea53e24a3b1ea1975d76953d8ef	24	17
ff5b3aec260c9a4e28e1a4b904c0585d	0	0
ff31dc031f1496ebccccabd23db9aae4	12	0
fe9460f8041f6ee340b730456928c245	6	5
fe7917001c4966a6fcb12095f7012d64	5	0
fe78076c966f3c21f17dd1f90ae667cd	17	6
fe63a602e5400850f6bcec3c03b8e560	758	339

1 >5a18f130d8adfa6b68bba5f925cdc364
2 TGAGGAATATTGGTCAATGGGCGGAAGCCTGAACCAGCCATCCCGCGTG
3 >22d15028be03e03c286d22473ed09620
4 TGGGGAATATTGGACAATGGGGGCAACCCTGATCCAGCAATGCCGCGTG
5 >5d2992cce8bd34234b800c3273940d54

6 TGGGGAATATTGCACAATGGGGGGAACCCTGATGCAGCAATGCCGCGTG



Bảng phong phú các con đường chuyển hoá

Xin chân thành cảm cảm ơn!

Nguyễn Quang Khải ngqkhai02@gmail.com

27/06/2025